



PHỤ LỤC
THÔNG TIN TUYỂN SINH 2022

(Đính kèm văn bản số 245 /TĐT ngày 09/02/2022 về việc hỗ trợ triển khai phương thức tuyển sinh đại học 2022)

Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) dự kiến tuyển sinh khoảng **6.500** chỉ tiêu trình độ đại năm 2022; bao gồm **40** ngành Chương trình tiêu chuẩn, **17** ngành Chương trình chất lượng cao, **12** ngành Chương trình đại học bằng tiếng Anh, **07** ngành Chương trình học 2 năm đầu tại Cơ sở Nha Trang và **11** ngành Chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

Nhà trường dự kiến triển khai tuyển sinh đại học năm 2022 theo **05** phương thức:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả quá trình học tập THPT

Phương thức 2. Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022

Phương thức 3. Ưu tiên xét tuyển theo quy định của TDTU

Phương thức 4: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

Phương thức 5: Xét tuyển theo kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN XÉT TUYỂN THEO KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT DÀNH CHO TRƯỜNG KÝ KẾT NĂM 2022

Thông tin chi tiết về Phương thức xét tuyển theo kết quả học tập THPT dành cho các Trường THPT đã ký kết hợp tác với TDTU và Danh sách các Trường THPT đã ký kết với TDTU được cập nhật trên <https://admission.tdtu.edu.vn>.

1. Đối tượng đăng ký xét tuyển: Học sinh đang học lớp 12 tại các Trường THPT ký kết với TDTU năm 2022.

2.. Thời gian đăng ký xét tuyển

+ **Dự kiến từ ngày 01/4/2022 đến ngày 25/5/2022 (Đợt 1):** Đăng ký xét tuyển trực tuyến; Xét tuyển theo kết quả học tập 5HK THPT (HK1, 2 lớp 10; HK 1, 2 lớp 11; HK1 lớp 12) vào Chương trình tiêu chuẩn, Chương trình chất lượng cao, Chương trình đại học bằng tiếng Anh, Chương trình học 2 năm đầu tại cơ sở, Chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

+ Ngoài ra, học sinh các Trường THPT ký kết với TDTU có thể đăng ký xét tuyển theo kết quả học tập 6HK THPT (HK 1, 2 lớp 10; HK 1, 2 lớp 11; HK 1, 2 lớp 12) trong đợt 2 (dự kiến từ ngày 01/6/2022).

3. Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển:

- Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển ở mục 1 đủ điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển nếu có điểm đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào theo từng ngành.

- Thí sinh xét tuyển ngành Thiết kế đồ họa, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế thời trang, Thiết kế nội thất, Kiến trúc; tổ hợp có môn năng khiếu của ngành Golf, Quản lý thể dục thể thao, Quy hoạch vùng và đô thị phải dự thi bổ sung môn năng khiếu (trùng ứng với tổ hợp xét tuyển đã đăng ký) do TDTU tổ chức vào đợt thi-1 (dự kiến ngày 29-30/05/2022) để đủ điểm xét tuyển theo 5 HK.

- Thông tin về đăng ký thi năng khiếu tại website: <https://thinangkhieu.tdtu.edu.vn>. TDTU không nhận điểm thi năng khiếu của các Trường khác chuyển sang.

- Thí sinh xét tuyển vào chương trình đại học bằng tiếng Anh phải có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS 5.0 trở lên (có giá trị từ ngày 01/10/2020 và còn giá trị đến ngày 01/10/2022); Thí sinh không có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS 5.0 trở lên còn thời hạn theo quy định của TDTU phải đăng ký dự thi Năng lực tiếng Anh do TDTU tổ chức (trừ ngành Ngôn ngữ Anh chỉ nhận chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định) tại website: <https://thinangkhieu.tdtu.edu.vn> trong đợt thi 1 (dự kiến ngày 29-30/5/2022).

- Trường hợp thi mà không đạt điều kiện tiếng Anh, thí sinh phải đăng ký học chương trình dự bị tiếng Anh. Trường hợp thí sinh chưa có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và không dự thi Năng lực tiếng Anh đợt 1 sẽ không đủ điều kiện xét tuyển vào chương trình đại học tiếng Anh đợt 1.

4. Cách đăng ký xét tuyển:

Bước 1: Từ ngày 01/4/2022 đến ngày 25/5/2022, đăng ký xét tuyển tại website: <https://admission.tdtu.edu.vn> hoặc <https://xettuyen.tdtu.edu.vn>; đăng ký dự thi năng khiếu/năng lực tiếng Anh tại: <https://thinangkhieu.tdtu.edu.vn>.

Bước 2: Từ 15/4/2022 đến ngày 30/5/2022, In phiếu và nộp Phiếu đăng ký (kèm bản sao học bạ, bản photo CMND/CCCD, chi phí xét tuyển 30.000 đồng/phương thức).qua một trong ba cách sau:

- + Nộp trực tiếp tại trường THPT.
- + Nộp trực tiếp tại TDTU.
- + Chuyển phát nhanh qua bưu điện về TDTU.

Riêng thí sinh dự thi năng khiếu/năng lực tiếng Anh nộp hồ sơ trực tiếp về TDTU hoặc gửi qua bưu điện (nộp chi phí thi 300.000 đồng/đợt thi/nhóm môn năng khiếu /năng lực tiếng Anh trực tiếp hoặc chuyển khoản cho TDTU).

Bước 3: Kiểm tra trạng thái hồ sơ/ lịch thi năng khiếu, năng lực tiếng Anh /kết quả xét tuyển,... trên website <https://admission.tdtu.edu.vn> hoặc <https://xettuyen.tdtu.edu.vn> hoặc <https://thinangkhieu.tdtu.edu.vn> bằng tài khoản đã được cấp.

5. Địa chỉ gửi hồ sơ tuyển sinh:

Phòng Đại học (A.0005), Trường Đại học Tôn Đức Thắng
19 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
Hotline: 19002024.

6. Danh mục ngành tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển theo kết quả quá trình học tập bậc THPT (Đợt 1 – dành cho các trường THPT ký kết hợp tác với TDTU theo điểm 5HK)

STT	Mã ngành	Tên ngành	Xét tuyển theo Kết quả học tập THPT 5HK			
			Tổ hợp xét tuyển (môn*2 là môn nhân hệ số 2)	Điều kiện ĐTB 5HK từng môn trong tổ hợp	Điều kiện môn học	Ngưỡng điểm nộp hồ sơ
CHƯƠNG TRÌNH TIÊU CHUẨN						
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,00$	Anh $\geq 7,00$	30
2	7310630	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và lễ hành)	Văn*2, Anh, Sử	$\geq 6,00$	Anh $\geq 6,50$ và Toán $\geq 6,00$	29
3	7310630Q	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và quản lý du lịch)	Văn*2, Anh, Sử	$\geq 6,00$	Anh $\geq 6,50$ và Toán $\geq 6,00$	29
4	7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nguồn nhân lực)	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 7,00$	Anh $\geq 7,50$	30
5	7340115	Marketing	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 7,00$	Anh $\geq 7,50$	30
6	7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn)	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 7,00$	Anh $\geq 7,50$	30
7	7340120	Kinh doanh quốc tế	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 7,00$	Anh $\geq 7,50$	30
8	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	29
9	7340301	Kế toán	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	29
10	7380101	Luật	TH1: Văn*2, Anh, Sử Hoặc TH2: Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,00$	TH1: Toán $\geq 6,00$ và Anh $\geq 6,50$ TH2: Anh $\geq 6,50$	29
11	7720201	Dược học	Toán, Anh, Hóa*2	$\geq 6,50$	Hóa $\geq 8,00$ và Anh, Sinh $\geq 7,00$ và Văn $\geq 6,00$ và học lực lớp 12 đạt Giỏi	30

STT	Mã ngành	Tên ngành	Xét tuyển theo Kết quả học tập THPT 5HK			
			Tổ hợp xét tuyển (môn*2 là môn nhân hệ số 2)	Điều kiện ĐTB 5HK từng môn trong tổ hợp	Điều kiện môn học	Ngưỡng điểm nộp hồ sơ
12	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,00$		28
13	7420201	Công nghệ sinh học	Toán, Anh, Sinh*2	$\geq 6,00$	Sinh $\geq 6,50$ và Văn $\geq 6,00$	27
14	7520301	Kỹ thuật hóa học	Toán, Anh, Hóa*2	$\geq 6,00$	Hóa $\geq 6,50$ và Văn $\geq 6,00$	27
15	7480101	Khoa học máy tính	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$ và Văn $\geq 6,00$	29
16	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$ và Văn $\geq 6,00$	29
17	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$ và Văn $\geq 6,00$	29
18	7520201	Kỹ thuật điện	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,50$	Văn $\geq 6,00$	26
19	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,50$	Văn $\geq 6,00$	26
20	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,50$	Văn $\geq 6,00$	27
21	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,50$	Văn $\geq 6,00$	27
22	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Văn $\geq 6,00$	26
23	7580101	Kiến trúc	Toán, Anh, Vẽ HHMT*2	$\geq 6,00$	Vẽ HHMT $\geq 6,00$ và Văn $\geq 6,00$	26
24	7210402	Thiết kế công nghiệp	Văn, Anh, Vẽ HHMT*2	$\geq 6,00$	Vẽ HHMT $\geq 6,00$ và Toán $\geq 6,00$	24
25	7210403	Thiết kế đồ họa	Văn, Anh, Vẽ HHMT*2	$\geq 6,00$	Vẽ HHMT $\geq 6,00$ và Toán $\geq 6,00$	26
26	7210404	Thiết kế thời trang	Văn, Anh, Vẽ HHMT*2	$\geq 6,00$	Vẽ HHMT $\geq 6,00$ và Toán $\geq 6,00$	24

STT	Mã ngành	Tên ngành	Xét tuyển theo Kết quả học tập THPT 5HK			
			Tổ hợp xét tuyển (môn*2 là môn nhân hệ số 2)	Điều kiện ĐTB 5HK từng môn trong tổ hợp	Điều kiện môn học	Ngưỡng điểm nộp hồ sơ
27	7580108	Thiết kế nội thất	Văn, Anh, Vẽ HHMT*2	$\geq 6,00$	Vẽ HHMT $\geq 6,00$ và Toán $\geq 6,00$	25
28	7340408	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Quản lý quan hệ lao động, Chuyên ngành Hành vi tổ chức)	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$		26
29	7810301	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện)	TH1: Toán, Văn, Anh*2 Hoặc TH2: Toán, Anh, NKDĐT*2	$\geq 6,00$	TH2: Văn và NK DĐT $\geq 6,00$	26
30	7810302	Golf	TH1: Toán, Văn, Anh*2 Hoặc TH2: Toán, Anh, NKDĐT*2	$\geq 6,00$	TH2: Văn và NK DĐT $\geq 6,00$	24
31	7310301	Xã hội học	Văn*2, Anh, Sử	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,00$	24
32	7760101	Công tác xã hội	Văn*2, Anh, Sử	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,00$	24
33	7850201	Bảo hộ lao động	Toán*2, Anh, Hóa Hoặc Toán*2, Anh, Sinh	$\geq 6,00$	Văn $\geq 6,00$	24
34	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường nước)	Toán*2, Anh, Hóa Hoặc Toán*2, Anh, Sinh	$\geq 6,00$	Văn $\geq 6,00$	24
35	7440301	Khoa học môi trường	Toán*2, Anh, Hóa Hoặc Toán*2, Anh, Sinh	$\geq 6,00$	Văn $\geq 6,00$	24
36	7460112	Toán ứng dụng	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Toán $\geq 7,00$ và Văn $\geq 6,00$	24

STT	Mã ngành	Tên ngành	Xét tuyển theo Kết quả học tập THPT 5HK			
			Tổ hợp xét tuyển (môn*2 là môn nhân hệ số 2)	Điều kiện ĐTB 5HK từng môn trong tổ hợp	Điều kiện môn học	Ngưỡng điểm nộp hồ sơ
37	7460201	Thống kê	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Toán $\geq 7,00$ và Văn $\geq 6,00$	24
38	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	TH1: Toán*2, Anh, Lý; Hoặc TH2: Toán, Anh, Vẽ HHMT*2	$\geq 6,00$	TH1: Văn $\geq 6,00$; TH2: Văn $\geq 6,00$; Vẽ HHMT $\geq 5,00$	24
39	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Văn $\geq 6,00$	24
40	7310630N	Việt Nam học (Chuyên ngành: Việt ngữ học và văn hóa xã hội Việt Nam)	Xét tuyển thẳng cho người nước ngoài			

CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO

1	F7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chất lượng cao</i>	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,00$	Anh $\geq 7,00$	26
2	F7310630Q	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và Quản lý du lịch) - <i>Chất lượng cao</i>	Văn*2, Anh, Sử	$\geq 6,00$	Anh $\geq 6,50$ và Toán $\geq 6,00$	25
3	F7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nguồn nhân lực) - <i>Chất lượng cao</i>	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 7,00$	Anh $\geq 7,50$	28
4	F7340115	Marketing - <i>Chất lượng cao</i>	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,50$	Anh $\geq 7,50$	28
5	F7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chất lượng cao</i>	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,50$	Anh $\geq 7,50$	28
6	F7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chất lượng cao</i>	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 7,00$	Anh $\geq 7,50$	28
7	F7340201	Tài chính - Ngân hàng - <i>Chất lượng cao</i>	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	25
8	F7340301	Kế toán - <i>Chất lượng cao</i>	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	25
9	F7380101	Luật - <i>Chất lượng cao</i>	TH1: Văn*2,	$\geq 6,00$	TH1: Toán $\geq$	25

STT	Mã ngành	Tên ngành	Xét tuyển theo Kết quả học tập THPT 5HK			
			Tổ hợp xét tuyển (môn*2 là môn nhân hệ số 2)	Điều kiện ĐTB 5HK từng môn trong tổ hợp	Điều kiện môn học	Ngưỡng điểm nộp hồ sơ
			Anh, Sử Hoặc TH2: Toán, Văn, Anh*2		6,00 và Anh $\geq 6,50$ TH2: Anh $\geq$ 6,50	
10	F7420201	Công nghệ sinh học - Chất lượng cao	Toán, Anh, Sinh*2	$\geq 6,00$	Sinh $\geq 6,50$ và Văn $\geq$ 6,00	25
11	F7480101	Khoa học máy tính - Chất lượng cao	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$ và Văn $\geq$ 6,00	25
12	F7480103	Kỹ thuật phần mềm - Chất lượng cao	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$ và Văn $\geq$ 6,00	25
13	F7520201	Kỹ thuật điện - Chất lượng cao	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,50$	Văn $\geq 6,00$	24
14	F7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông - Chất lượng cao	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,50$	Văn $\geq 6,00$	24
15	F7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Chất lượng cao	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,50$	Văn $\geq 6,00$	25
16	F7580201	Kỹ thuật xây dựng - Chất lượng cao	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Văn $\geq 6,00$	24
17	F7210403	Thiết kế đồ họa - Chất lượng cao	Văn, Anh, Vẽ HHMT*2	$\geq 6,00$	Vẽ HHMT $\geq$ 6,00 và Toán $\geq 6,00$	25
CHƯƠNG TRÌNH HỌC 2 NĂM ĐẦU TẠI CƠ SỞ NHÀ TRANG						
1	N7220201	Ngôn ngữ Anh - Chương trình 02 năm đầu học tại Cơ sở Nhà Trang	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,00$	Anh $\geq 7,00$	24
2	N7340115	Marketing - Chương trình 02 năm đầu học tại Cơ sở Nhà Trang	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,00$		24
3	N7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chương trình 02 năm đầu học tại Cơ sở Nhà Trang	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,00$		24

STT	Mã ngành	Tên ngành	Xét tuyển theo Kết quả học tập THPT 5HK			
			Tổ hợp xét tuyển (môn*2 là môn nhân hệ số 2)	Điều kiện ĐTB 5HK từng môn trong tổ hợp	Điều kiện môn học	Ngưỡng điểm nộp hồ sơ
4	N7340301	Kế toán - Chương trình 02 năm đầu học tại Cơ sở Nha Trang	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$		24
5	N7380101	Luật - Chương trình 02 năm đầu học tại Cơ sở Nha Trang	TH1: Văn*2, Anh, Sử Hoặc TH2: Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,00$	TH1: Toán $\geq 6,00$	24
6	N7310630	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và lễ hành) - Chương trình 02 năm đầu học tại Cơ sở Nha Trang	Văn*2, Anh, Sử	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,00$	24
7	N7480103	Kỹ thuật phần mềm - Chương trình 02 năm đầu học tại Cơ sở Nha Trang	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Văn $\geq 6,00$	24

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH

a) Yêu cầu về tiếng Anh đầu vào:

- Thí sinh nước ngoài ở các nước có ngôn ngữ chính là tiếng Anh không yêu cầu Chứng chỉ tiếng Anh đầu vào quốc tế;

- Thí sinh Việt Nam và thí sinh ở các nước không có ngôn ngữ chính là tiếng Anh: phải có Chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên hoặc tương đương (có giá trị từ ngày 01/10/2020 và còn giá trị đến ngày 01/10/2022); hoặc phải dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu khóa bằng Hệ thống đánh giá năng lực tiếng Anh theo chuẩn quốc tế của TDTU để được xác nhận đủ điều kiện tiếng Anh theo học chương trình (trừ Ngành ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ IELTS 5.0 hoặc tương đương)

b) Ngoại lệ:

- Nếu tiếng Anh chưa đạt các chuẩn trên, nhưng người học vẫn muốn học chương trình đại học bằng tiếng Anh thì chỉ được xét vào chương trình dự bị tiếng Anh; và phải tham gia học bổ túc tiếng Anh tại TDTU cho đến khi đạt trình độ tương đương chuẩn nói trên để được “quyết định nhập học và công nhận là sinh viên”. Thời gian bổ túc có thể từ **nửa năm đến 1 năm** tùy năng lực đầu vào qua kết quả đánh giá đầu vào xếp lớp của TDTU.

- Sau thời gian học chương trình tiếng Anh tăng cường, nếu vẫn chưa đạt chuẩn tiếng Anh IELTS 5.0 hoặc tương đương; người học có thể thôi học hoặc có thể xin chuyển sang các chương trình chất lượng cao, chương trình tiêu chuẩn (nếu vẫn bảo đảm được các tiêu chí tuyển sinh đầu vào tương ứng của các ngành/chương trình này).

- Trường hợp số lượng học viên nhập học đủ điều kiện học chính thức ít hơn sĩ số tối thiểu để mở

STT	Mã ngành	Tên ngành	Xét tuyển theo Kết quả học tập THPT 5HK			
			Tổ hợp xét tuyển (môn*2 là môn nhân hệ số 2)	Điều kiện ĐTB 5HK từng môn trong tổ hợp	Điều kiện môn học	Ngưỡng điểm nộp hồ sơ
lớp, người học được tư vấn để bảo lưu kết quả tuyển sinh, hoặc chuyển qua các ngành/chương trình khác (nếu đáp ứng được tiêu chí tuyển đầu vào của ngành/chương trình đó).						
TT	Mã ngành	Tên ngành	Công thức tính điểm nhận hồ sơ (ĐXT 5HK TBHK)	Điều kiện	Ngưỡng điểm nộp hồ sơ (ĐXT 5HK TBHK)	
1	FA7220201	Ngôn ngữ Anh - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	(ĐTB HK1 L10 + ĐTB HK2 L10 + ĐTB HK1 L11 + ĐTB HK2 L11 + ĐTB HK1 L12)*4/5 + Điểm ưu tiên theo trường THPT (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)	ĐTB 5HK Toán, Văn ≥ 6,0 và Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.0 hoặc tương đương	26	
2	FA7340115	Marketing - Chương trình đại học bằng tiếng Anh			26	
3	FA7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chương trình đại học bằng tiếng Anh			26	
4	FA7340120	Kinh doanh quốc tế - Chương trình đại học bằng tiếng Anh			26	
5	FA7420201	Công nghệ sinh học - Chương trình đại học bằng tiếng Anh			24	
6	FA7480101	Khoa học máy tính - Chương trình đại học bằng tiếng Anh			26	
7	FA7480103	Kỹ thuật phần mềm -Chương trình đại học bằng tiếng Anh			26	
8	FA7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Chương trình đại học bằng tiếng Anh			24	
9	FA7580201	Kỹ thuật xây dựng - Chương trình đại học bằng tiếng Anh			24	
10	FA7340301	Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - Chương trình đại học bằng tiếng Anh			24	
11	FA7340201	Tài chính ngân hàng - Chương trình đại học bằng tiếng Anh			24	
12	FA7310630Q	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và Quản lý du lịch) - Chương trình đại học bằng tiếng Anh			24	
CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ						
Các thí sinh đạt được mức điểm xét tuyển sẽ được xét tuyển vào các chương trình học chính khóa hoặc chương trình dự bị Tiếng Anh (liên kết) tùy thuộc vào trình độ Tiếng Anh đầu vào của mình như sau:						
1. Thí sinh đạt điểm xét tuyển do Hội đồng tuyển sinh quyết định và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế						

tương đương IELTS 5.5 (có giá trị từ ngày 01/10/2020 và còn giá trị đến 01/10/2022) sẽ đủ điều kiện xét công nhận trúng tuyển chính thức vào chương trình chính khóa.

2. Thí sinh đạt điểm xét tuyển do Hội đồng tuyển sinh quyết định nhưng **không có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS 5.5 trở lên** (có giá trị từ ngày 01/10/2020 và còn giá trị đến 01/10/2022) phải đăng ký dự thi kì thi đánh giá năng lực tiếng Anh do TDTU tổ chức (xem thông báo tổ chức thi tại website: <https://admission.tdtu.edu.vn>). Trong trường hợp này thí sinh chỉ đủ điều kiện xét tuyển vào chương trình dự bị Tiếng Anh của các ngành liên kết quốc tế. Sau khi tham dự kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh do TDTU tổ chức:

- Thí sinh có kết quả bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh đạt trình độ tương đương từ B2 trở lên sẽ được xét công nhận trúng tuyển chính thức vào chương trình chính khóa;

- Thí sinh có kết quả bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh chưa đạt trình độ B2 sẽ phải học chương trình dự bị Tiếng Anh (liên kết) trong ít nhất 01 học kỳ theo trình độ thực tế của thí sinh (xem thêm quy định về chương trình dự bị Tiếng Anh (liên kết));

- Trường hợp thí sinh không tham dự kì thi đánh giá năng lực tiếng Anh, sẽ phải học chương trình dự bị Tiếng Anh (liên kết) ở trình độ thấp nhất;

- Thời gian tối đa của chương trình Tiếng Anh là 2 năm. Sau 02 năm kể từ thời điểm thí sinh nhập học vào chương trình dự bị Tiếng Anh (liên kết), nếu thí sinh vẫn không đạt điều kiện tiếng Anh trình độ tương đương B2 thì sẽ phải thôi học hoặc được xem xét chuyển sang chương trình khác nếu có điều kiện xét tuyển tương đương với điểm tuyển sinh đầu vào của chương trình muốn chuyển tại cùng thời điểm xét tuyển.

TT	Mã ngành	Tên ngành	Công thức tính điểm nhận hồ sơ	Điều kiện	Ngưỡng điểm nộp hồ sơ
1	K7340101	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học kinh tế Praha (Cộng Hòa Séc).			24
2	K7340101N	Quản trị nhà hàng khách sạn (song bằng 2,5 + 1,5) - Chương trình liên kết Đại học Taylor's (Malaysia).	(ĐTB HK1 L10 + ĐTB HK2 L10 + ĐTB HK1 L11 + ĐTB HK2 L11 + ĐTB HK1 L12)*4/5 + Điểm ưu tiên theo trường	ĐTB 5HK/6HK Toán, Văn $\geq 6,0$; Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5 hoặc tương đương	24
3	K7340120	Quản trị kinh doanh quốc tế (đơn bằng 3 + 1) - Chương trình liên kết Đại học khoa học và công nghệ Lunghwa (Đài Loan).	THPT (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)		24
4	K7340201	Tài chính (song bằng 2 + 2) - Chương trình liên kết Đại học Feng Chia (Đài Loan).			24
5	K7340201S	Tài chính (đơn bằng 3 + 1) - Chương trình liên kết Đại học khoa học và công nghệ Lunghwa (Đài Loan).			24
6	K7340201X	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3 + 1) - Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan).			24
7	K7340301	Kế toán (song bằng 3+1) – Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương			24

		Quốc Anh).			
8	K7480101	Khoa học máy tính & công nghệ tin học (đơn bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học khoa học và công nghệ Lunghwa (Đài Loan).			24
9	K7520201	Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2,5 + 1,5) – Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan).			24
10	K7580201	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2)- Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc).			24
11	K7480101L	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) – Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc).			24

Lưu ý: Công thức tính điểm

+ **Điểm trung bình 5 học kỳ của môn học** (làm tròn đến 2 chữ số thập phân):

$$\text{ĐTB 5HK mh} = (\text{ĐTBmh HK1} + \text{ĐTBmh HK2} + \text{ĐTBmh HK3} + \text{ĐTBmh HK4} + \text{ĐTBmh HK5})/5$$

+ **Điểm xét tuyển 5 học kỳ theo tổ hợp môn (ĐXT 5HK THM):** là Tổng điểm trung bình 5 học kỳ của các môn theo Tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên theo trường THPT và cộng Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực, thành tích học sinh giỏi (nếu có). Điểm này dùng để xét tuyển cho chương trình Tiêu chuẩn, chương trình Chất lượng cao, chương trình học 2 năm đầu tại Cơ sở Nha Trang.

$$\text{ĐXT 5HK THM} = \text{ĐTB 5HK mh1} + \text{ĐTB 5HK mh2} + \text{ĐTB 5HK mh3} * 2 + \alpha (\text{nếu có}) + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

+ **Điểm xét tuyển 5 học kỳ theo điểm trung bình học kỳ (ĐXT 5HK TBHK):** là Tổng điểm trung bình 5 học kỳ * 4/5 (quy về thang điểm 40) cộng với điểm ưu tiên theo trường THPT và cộng Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực, thành tích học sinh giỏi (nếu có). Điểm này dùng để xét tuyển cho chương trình Đại học bằng tiếng Anh, chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

$$\text{ĐXT 5HK TBHK} = (\text{ĐTB HK1} + \text{ĐTB HK2} + \text{ĐTB HK3} + \text{ĐTB HK4} + \text{ĐTB HK5}) * 4/5 + \alpha (\text{nếu có}) + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

+ Thang điểm xét tuyển là thang 40 điểm, làm tròn đến 02 chữ số thập phân;

+ Trong đó, α là Điểm ưu tiên theo trường THPT do TDTU quy định (trường chuyên/năng khiếu được cộng 2,0; trường trọng điểm được cộng 1,0);

+ Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (quy về thang điểm 40) bằng 4/3 lần điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT, điểm ưu tiên dành cho thí sinh đạt thành tích học sinh giỏi:

Đối tượng	Điểm cộng thang 30	Điểm cộng thang 40	Lưu ý
1. Khu vực ưu tiên			- Điểm cộng hệ số trường THPT và Điểm ưu tiên thành tích học sinh giỏi mục 4, 5, 6, 7 chỉ dành cho Phương thức 1 và 3.
KV 1	0.75	1	
KV 2NT	0.5	0.67	
KV 2	0.25	0.33	
KV 3	0	0	
2. Đối tượng ưu tiên			- Thí sinh có thành tích thuộc cả nội dung 4 và 5 chỉ được cộng một điểm cộng ưu tiên
01	2	2.67	
02	2	2.67	
03	2	2.67	

Đối tượng	Điểm cộng thang 30	Điểm cộng thang 40	Lưu ý
04	2	2.67	cao nhất. - Điểm cộng mục 4, 5, 6 được xét cộng cho các ngành xét tuyển theo từng môn/lĩnh vực dự thi của thí sinh quy định trong phụ lục đính kèm.
05	1	1.33	
06	1	1.33	
07	1	1.33	
3. Hệ số trường THPT (α)			
Trường chuyên		2	
Trường trọng điểm		1	
Trường thường		0	
4. Giải HSG Quốc gia			
01		1.5	
02		1.25	
03		1	
04/KK		0.75	
5. Giải HSG tỉnh/TP			
01		0.75	
02		0.5	
03		0.25	
6. Giải KHKT Quốc gia			
01		1.5	
02		1.25	
03		1	
04/KK		0.75	
7. HSG 3 năm THPT			
- Xét 5HK: Học lực cả năm lớp 10, 11, HK1 L12		0.25	
- Xét 6HK: Học lực cả năm lớp 10, 11, 12			

Thí dụ 1: Điểm xét tuyển 5 học kỳ theo điểm trung bình học kỳ.

ĐTB HK1 Lớp 10	ĐTB HK2 Lớp 10	ĐTB HK1 Lớp 11	ĐTB HK2 Lớp 11	ĐTB HK1 Lớp 12
8,0	8,2	7,9	7,8	8,0
ĐXT 5HK TBHK = $(8,0 + 8,2 + 7,9 + 7,8 + 8,0) * 4/5$ + Điểm ưu tiên Trường THPT + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng, thành tích học sinh giỏi (nếu có).				

Thí dụ 2: Điểm xét tuyển 5 học kỳ theo tổ hợp môn với tổ hợp xét tuyển là Toán, Văn, Anh*2

Môn	ĐTBmh HK1 Lớp 10	ĐTBmh HK2 Lớp 10	ĐTBmh HK1 Lớp 11	ĐTBmh HK2 Lớp 11	ĐTBmh HK1 Lớp 12	ĐTB 05HK mh
Toán	7,8	7,9	7,9	8,0	8,1	7,94
Văn	7,0	7,3	7,4	7,5	7,6	7,36
Anh	8,0	8,3	7,9	8,0	8,3	8,10

ĐTB 5HK Toán = $(7,8 + 7,9 + 7,9 + 8,0 + 8,1)/5 = 7,94$; tương tự cho các môn Văn, Anh.

ĐXT 5HK THM= 7,94 + 7,36 + 8,10 + Điểm ưu tiên Trường THPT + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng, thành tích học sinh giỏi (nếu có).

Nguyên tắc xét tuyển:

- Xét theo mức Điểm xét tuyển ĐXT 5HK THM hay ĐXT 5HK TBHK từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu từng ngành của hình thức này. Trường hợp có nhiều thí sinh có cùng mức Điểm xét tuyển 5 học kỳ, TDTU sẽ ưu tiên xét theo ĐTB 5HK-tiếng Anh từ cao xuống thấp đối với chương trình tiêu chuẩn và chương trình chất lượng cao, ưu tiên xét theo điểm năng lực tiếng Anh/chứng chỉ tiếng Anh đối với chương trình đại học bằng tiếng Anh.

- Mỗi thí sinh được đăng ký tối đa **02 Nguyên vọng xét tuyển**. Thí sinh trúng tuyển *Nguyên vọng 1* sẽ không được xét *Nguyên vọng 2* (đối với các chương trình tiêu chuẩn; chương trình chất lượng cao; chương trình đại học bằng tiếng Anh). Ngoài ra thí sinh có thể đăng ký xét tuyển thêm 01 nguyện vọng vào *Chương trình Liên kết quốc tế*. Thí sinh trúng tuyển *Nguyên vọng 1* sẽ không được xét *Nguyên vọng 2*.

II. THÔNG TIN XÉT TUYỂN THEO KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT 2022

Thông tin chi tiết về Phương thức xét tuyển theo kết quả thi Tốt nghiệp THPT 2022 được cập nhật trên <https://admission.tdtu.edu.vn>

TT	Mã ngành	Tên ngành	Đăng ký theo quy định của Bộ GD&ĐT Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được TDTU công bố khi có điểm tốt nghiệp THPT 2022		
			Tổ hợp xét tuyển	Môn nhân hệ số 2, điều kiện	Ghi chú
CHƯƠNG TRÌNH TIÊU CHUẨN					
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01; D11	Anh	
2	7310630	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và lễ hành)	A01; C00; C01; D01	A01, D01: Anh C00, C01: Văn	
3	7310630Q	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và quản lý du lịch)	A01; C00; C01; D01	A01, D01: Anh C00, C01: Văn	
4	7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nguồn nhân lực)	A00; A01; D01	A00: Toán A01, D01: Anh	
5	7340115	Marketing	A00; A01; D01	A00: Toán A01, D01: Anh	
6	7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn)	A00; A01; D01	A00: Toán A01, D01: Anh	
7	7340120	Kinh doanh quốc tế	A00; A01; D01	A00: Toán A01, D01: Anh	
8	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00; A01; D01; D07	A00: Toán A01, D01, D07: Anh	
9	7340301	Kế toán	A00; A01; C01; D01	A00, C01: Toán A01, D01: Anh	

TT	Mã ngành	Tên ngành	Đăng ký theo quy định của Bộ GD&ĐT Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được TDTU công bố khi có điểm tốt nghiệp THPT 2022		
			Tổ hợp xét tuyển	Môn nhân hệ số 2, điều kiện	Ghi chú
10	7380101	Luật	A00; A01; C00; D01	A00, A01: Toán C00, D01: Văn	
11	7720201	Dược học	A00; B00; D07	Hóa	
12	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01; D04; D11; D55	D01, D11: Anh D04, D55: Trung Quốc	
13	7420201	Công nghệ sinh học	A00; B00; D08	A00: Hóa B00, D08: Sinh	
14	7520301	Kỹ thuật hóa học	A00; B00; D07	Hóa	
15	7480101	Khoa học máy tính	A00; A01; D01	Toán	
16	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	A00; A01; D01	Toán	
17	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00; A01; D01	Toán	
18	7520201	Kỹ thuật điện	A00; A01; C01	Toán	
19	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	A00; A01; C01	Toán	
20	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A00; A01; C01	Toán	
21	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	A00; A01; C01	Toán	
22	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00; A01; C01	Toán	
23	7580101	Kiến trúc	V00; V01	Vẽ HHMT Vẽ HHMT $\geq 6,0$	
24	7210402	Thiết kế công nghiệp	H00; H01; H02	Vẽ HHMT H00, H02: Vẽ HHMT $\geq 6,0$; Vẽ TTM $\geq 6,0$ H01: Vẽ HHMT $\geq 6,0$	
25	7210403	Thiết kế đồ họa	H00; H01; H02	Vẽ HHMT H00, H02: Vẽ HHMT $\geq 6,0$; Vẽ TTM $\geq 6,0$ H01: Vẽ HHMT $\geq 6,0$	
26	7210404	Thiết kế thời trang	H00; H01; H02	Vẽ HHMT H00, H02: Vẽ HHMT $\geq 6,0$; Vẽ TTM $\geq 6,0$ H01: Vẽ HHMT $\geq 6,0$	
27	7580108	Thiết kế nội thất	V00; V01; H02	Vẽ HHMT H02: Vẽ HHMT $\geq 6,0$, Vẽ TTM $\geq 6,0$ V00, V01: Vẽ HHMT $\geq 6,0$	

TT	Mã ngành	Tên ngành	Đăng ký theo quy định của Bộ GD&ĐT Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được TDTU công bố khi có điểm tốt nghiệp THPT 2022		
			Tổ hợp xét tuyển	Môn nhân hệ số 2, điều kiện	Ghi chú
28	7340408	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Quản lý quan hệ lao động, Chuyên ngành Hành vi tổ chức)	A00; A01; C01; D01	A00, C01: Toán A01, D01: Anh	
29	7810301	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện)	A01; D01; T00; T01	A01, D01: Anh T00, T01: NK TĐTT NK TĐTT ≥ 6,0	
30	7810302	Golf	A01; D01; T00; T01	A01, D01: Anh T00, T01: NK TĐTT NK TĐTT ≥ 6,0	
31	7310301	Xã hội học	A01; C00; C01; D01	A01, D01: Anh C00, C01: Văn	
32	7760101	Công tác xã hội	A01; C00; C01; D01	A01, D01: Anh C00, C01: Văn	
33	7850201	Bảo hộ lao động	A00; B00; D07; A01	Toán	
34	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường nước)	A00; B00; D07; A01	Toán	
35	7440301	Khoa học môi trường	A00; B00; D07; A01	Toán	
36	7460112	Toán ứng dụng	A00; A01	Toán Toán ≥ 5,0	
37	7460201	Thống kê	A00; A01	Toán Toán ≥ 5,0	
38	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	A00; A01; V00; V01	A00, A01: Toán V00, V01: Vẽ HHMT (Vẽ ≥5,0)	
39	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	A00; A01; C01	Toán	
40	7310630N	Việt Nam học (Chuyên ngành: Việt ngữ học và văn hóa xã hội Việt Nam)	Xét tuyển thẳng người nước ngoài		
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO					
1	F7220201	Ngôn ngữ Anh - Chất lượng cao	D01; D11	Anh	

TT	Mã ngành	Tên ngành	Đăng ký theo quy định của Bộ GD&ĐT Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được TDTU công bố khi có điểm tốt nghiệp THPT 2022		
			Tổ hợp xét tuyển	Môn nhân hệ số 2, điều kiện	Ghi chú
2	F7310630Q	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và Quản lý du lịch) - Chất lượng cao	A01; C00; C01; D01	A01, D01: Anh C00, C01: Văn	
3	F7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nguồn nhân lực) - Chất lượng cao	A00; A01; D01	A00: Toán A01, D01: Anh	
4	F7340115	Marketing - Chất lượng cao	A00; A01; D01	A00: Toán A01, D01: Anh	
5	F7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chất lượng cao	A00; A01; D01	A00: Toán A01, D01: Anh	
6	F7340120	Kinh doanh quốc tế - Chất lượng cao	A00; A01; D01	A00: Toán A01, D01: Anh	
7	F7340201	Tài chính - Ngân hàng - Chất lượng cao	A00; A01; D01; D07	A00: Toán A01, D01, D07: Anh	
8	F7340301	Kế toán - Chất lượng cao	A00; A01; C01; D01	A00, C01: Toán A01, D01: Anh	
9	F7380101	Luật - Chất lượng cao	A00; A01; C00; D01	A00, A01: Toán C00, D01: Văn	
10	F7420201	Công nghệ sinh học - Chất lượng cao	A00; B00; D08	A00: Hóa B00, D08: Sinh	
11	F7480101	Khoa học máy tính - Chất lượng cao	A00; A01; D01	Toán	
12	F7480103	Kỹ thuật phần mềm - Chất lượng cao	A00; A01; D01	Toán	
13	F7520201	Kỹ thuật điện - Chất lượng cao	A00; A01; C01	Toán	
14	F7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông - Chất lượng cao	A00; A01; C01	Toán	
15	F7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Chất lượng cao	A00; A01; C01	Toán	
16	F7580201	Kỹ thuật xây dựng - Chất lượng cao	A00; A01; C01	Toán	
17	F7210403	Thiết kế đồ họa - Chất lượng cao	H00; H01; H02	Vẽ HHMT H00, H02: Vẽ HHMT $\geq$ 6,0, Vẽ TTM $\geq$ 6,0 H01: Vẽ HHMT $\geq$ 6,0	

TT	Mã ngành	Tên ngành	Đăng ký theo quy định của Bộ GD&ĐT Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được TDTU công bố khi có điểm tốt nghiệp THPT 2022		
			Tổ hợp xét tuyển	Môn nhân hệ số 2, điều kiện	Ghi chú
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH					
Yêu cầu về tiếng Anh đầu vào:					
- <i>Thí sinh nước ngoài</i> ở các nước có ngôn ngữ chính là tiếng Anh không yêu cầu Chứng chỉ tiếng Anh đầu vào quốc tế; - <i>Thí sinh Việt Nam và thí sinh ở các nước không có ngôn ngữ chính là tiếng Anh</i>: phải có Chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên hoặc tương đương (có giá trị từ ngày 01/10/2020 và còn giá trị đến ngày 01/10/2022); hoặc phải dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh bằng Hệ thống đánh giá năng lực tiếng Anh theo chuẩn quốc tế của TDTU để được xác nhận đủ điều kiện tiếng Anh theo học chương trình (trừ Ngành ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS 5.0 trở lên theo quy định). - Thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp có môn “Chứng chỉ tiếng Anh” phải đăng ký nộp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định về TDTU trước 17h00 ngày 25/7/2022. - Thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp có môn “Năng lực tiếng Anh” phải đăng ký dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh do TDTU tổ chức trong đợt 1 (dự kiến 29 – 30/5/2022) hoặc đợt 2 (dự kiến trong 7/2022). Chi tiết thông báo tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh xem tại website https://admission.tdtu.edu.vn. Trường hợp số lượng học viên nhập học đủ điều kiện học chính thức ít hơn số tối thiểu để mở lớp, người học được tư vấn để bảo lưu kết quả tuyển sinh, hoặc chuyển qua các ngành/chương trình khác (nếu đáp ứng được tiêu chí tuyển đầu vào của ngành/chương trình đó).					
1	FA7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	E04	Chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên	
2	FA7340115	Marketing - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	E01; E04	E01: Năng lực tiếng Anh; Năng lực tiếng Anh ≥ 7.0 E04: Chứng chỉ tiếng Anh; Chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên	
3	FA7340101N	Quản trị kinh doanh (<i>Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn</i>) - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	E01; E04	E01: Năng lực tiếng Anh; Năng lực tiếng Anh ≥ 7.0 E04: Chứng chỉ tiếng Anh; Chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên	
4	FA7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	E01; E04	E01: Năng lực tiếng Anh; Năng lực tiếng Anh ≥ 7.0 E04: Chứng chỉ tiếng Anh; Chứng chỉ IELTS 5.0 trở	

TT	Mã ngành	Tên ngành	Đăng ký theo quy định của Bộ GD&ĐT Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được TDTU công bố khi có điểm tốt nghiệp THPT 2022		
			Tổ hợp xét tuyển	Môn nhân hệ số 2, điều kiện	Ghi chú
				lên	
5	FA7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	E02; E05	E02: Năng lực tiếng Anh; Năng lực tiếng Anh ≥ 7.0 E05: Chứng chỉ tiếng Anh; Chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên	
6	FA7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	E01; E03; E04; E06	E01, E03: Năng lực tiếng Anh; Năng lực tiếng Anh ≥ 7.0 E04, E06: Chứng chỉ tiếng Anh; Chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên	
7	FA7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	E01; E03; E04; E06	E01, E03: Năng lực tiếng Anh; Năng lực tiếng Anh ≥ 7.0 E04, E06: Chứng chỉ tiếng Anh; Chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên	
8	FA7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	E03; E06	E03: Năng lực tiếng Anh; Năng lực tiếng Anh ≥ 7.0 E06: Chứng chỉ tiếng Anh; Chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên	
9	FA7580201	Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	E03; E06	E03: Năng lực tiếng Anh; Năng lực tiếng Anh ≥ 7.0 E06: Chứng chỉ tiếng Anh; Chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên	
10	FA7340301	Kế toán (<i>Chuyên ngành: Kế toán quốc tế</i>) - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	E01; E03; E04; E06	E01, E03: Năng lực tiếng Anh; Năng lực tiếng Anh ≥ 7.0 E04, E06: Chứng chỉ tiếng Anh; Chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên	
11	FA7340201	Tài chính ngân hàng - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	E01; E03; E04; E06	E01, E03: Năng lực tiếng Anh; Năng lực tiếng Anh ≥ 7.0	

TT	Mã ngành	Tên ngành	Đăng ký theo quy định của Bộ GD&ĐT Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được TDTU công bố khi có điểm tốt nghiệp THPT 2022		
			Tổ hợp xét tuyển	Môn nhân hệ số 2, điều kiện	Ghi chú
				E04, E06: Chứng chỉ tiếng Anh; Chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên	
12	FA7310630Q	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và Quản lý du lịch) - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	E01; E03; E04; E06	E01, E03: Năng lực tiếng Anh; Năng lực tiếng Anh $\geq$ 7.0 E04, E06: Chứng chỉ tiếng Anh; Chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên	

CHƯƠNG TRÌNH HỌC 2 NĂM ĐẦU TẠI CƠ SỞ NHÀ TRANG

1	N7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình 02 năm đầu học tại Cơ sở Nhà Trang</i>	D01; D11	Anh	
2	N7340115	Marketing - <i>Chương trình 02 năm đầu học tại Cơ sở Nhà Trang</i>	A00; A01; D01	A00: Toán A01, D01: Anh	
3	N7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình 02 năm đầu học tại Cơ sở Nhà Trang</i>	A00; A01; D01	A00: Toán A01, D01: Anh	
4	N7340301	Kế toán - <i>Chương trình 02 năm đầu học tại Cơ sở Nhà Trang</i>	A00; A01; C01; D01	A00, C01: Toán A01, D01: Anh	
5	N7380101	Luật - <i>Chương trình 02 năm đầu học tại Cơ sở Nhà Trang</i>	A00; A01; C00; D01	A00, A01: Toán C00, D01: Văn	
6	N7310630	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và lễ hành) - <i>Chương trình 02 năm đầu học tại Cơ sở Nhà Trang</i>	A01; C00; C01; D01	A01, D01: Anh C00, C01: Văn	
7	N7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình 02 năm đầu học tại Cơ sở Nhà Trang</i>	A00; A01; D01	Toán	

CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

Yêu cầu về tiếng Anh đầu vào:

-Thí sinh phải đạt trình độ tiếng Anh đầu vào từ B2 trở lên hoặc tương đương để được công nhận trúng tuyển vào chương trình chính thức. Thí sinh có thể nộp chứng chỉ IELTS 5.5 hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương để xét tiếng Anh đầu vào; hoặc phải dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu khóa bằng Hệ thống đánh giá năng lực tiếng Anh theo chuẩn quốc tế của TDTU để được xác nhận đủ điều kiện tiếng Anh theo học chương trình.

TT	Mã ngành	Tên ngành	Đăng ký theo quy định của Bộ GD&ĐT Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được TDTU công bố khi có điểm tốt nghiệp THPT 2022		
			Tổ hợp xét tuyển	Môn nhân hệ số 2, điều kiện	Ghi chú
Ngoại lệ: - Nếu tiếng Anh chưa đạt chuẩn B2, <i>nhưng người học vẫn muốn học chương trình liên kết đào tạo quốc tế</i> , thì được xét vào chương trình dự bị tiếng Anh (liên kết quốc tế) và phải tham gia học bổ túc tiếng Anh tại TDTU cho đến khi đạt trình độ tương đương chuẩn nói trên để được “ <i>quyết định nhập học và công nhận là sinh viên</i> ”. Thời gian học tiếng Anh tối đa là 2 năm và tùy năng lực đầu vào qua kết quả đánh giá đầu vào xếp lớp của TDTU. -Sau thời gian học chương trình dự bị tiếng Anh, nếu vẫn chưa đạt chuẩn tiếng Anh trình độ B2 hoặc tương đương; người học phải thôi học hoặc có thể xin chuyển sang các chương trình khác (<i>nếu vẫn bảo đảm được các tiêu chí tuyển sinh đầu vào tương ứng của các ngành/chương trình này theo đúng năm tuyển sinh</i>). -Trường hợp số lượng học viên nhập học đủ điều kiện học chính thức ít hơn số tối thiểu để mở lớp, người học được tư vấn để bảo lưu kết quả tuyển sinh, hoặc chuyển qua các ngành/chương trình khác (nếu đáp ứng được tiêu chí tuyển đầu vào của ngành/chương trình đó).					
1	K7340101	Quản trị kinh doanh (song bằng 2 + 2) - Chương trình liên kết Đại học kinh tế Praha (Cộng Hòa Séc).	E01; E04	E01: Năng lực tiếng Anh E04: Chứng chỉ tiếng Anh	
2	K7340101N	Quản trị nhà hàng khách sạn (song bằng 2,5 + 1,5) - Chương trình liên kết Đại học Taylor’s (Malaysia).	E01; E04	E01: Năng lực tiếng Anh E04: Chứng chỉ tiếng Anh	
3	K7340120	Quản trị kinh doanh quốc tế (đơn bằng 3 + 1) - Chương trình liên kết Đại học khoa học và công nghệ Lunghwa (Đài Loan).	E01; E04	E01: Năng lực tiếng Anh E04: Chứng chỉ tiếng Anh	
4	K7340201	Tài chính (song bằng 2 + 2) - Chương trình liên kết Đại học Feng Chia (Đài Loan).	E01; E03; E04; E06	E01, E03: Năng lực tiếng Anh; E04, E06: Chứng chỉ tiếng Anh	
5	K7340201S	Tài chính (đơn bằng 3 + 1) - Chương trình liên kết Đại học khoa học và công nghệ Lunghwa (Đài Loan).	E01; E03; E04; E06	E01, E03: Năng lực tiếng Anh; E04, E06: Chứng chỉ tiếng Anh	
6	K7340201X	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3 + 1) - Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng	E01; E03; E04; E06	E01, E03: Năng lực tiếng Anh; E04, E06: Chứng chỉ tiếng Anh	

TT	Mã ngành	Tên ngành	Đăng ký theo quy định của Bộ GD&ĐT Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được TDTU công bố khi có điểm tốt nghiệp THPT 2022		
			Tổ hợp xét tuyển	Môn nhân hệ số 2, điều kiện	Ghi chú
		Saxion (Hà Lan).		Anh	
7	K7340301	Kế toán (song bằng 3 + 1) - Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương Quốc Anh).	E01; E03; E04; E06	E01, E03: Năng lực tiếng Anh; E04, E06: Chứng chỉ tiếng Anh	
8	K7480101	Khoa học máy tính & công nghệ tin học (đơn bằng 2 + 2) - Chương trình liên kết Đại học khoa học và công nghệ Lunghwa (Đài Loan).	E01; E03; E04; E06	E01, E03: Năng lực tiếng Anh; E04, E06: Chứng chỉ tiếng Anh	
9	K7520201	Kỹ thuật điện - điện tử (song bằng 2,5 + 1,5) - Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan).	E03; E06	E03: Năng lực tiếng Anh; E06: Chứng chỉ tiếng Anh	
10	K7580201	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2)- Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc).	E03; E06	E03: Năng lực tiếng Anh; E06: Chứng chỉ tiếng Anh	
11	K7480101L	Công nghệ thông tin (song bằng 2 + 2) - Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc).	E01; E03; E04; E06	E01, E03: Năng lực tiếng Anh; E04, E06: Chứng chỉ tiếng Anh	

[Thí sinh đăng ký xét tuyển theo các tổ hợp có môn *Vẽ hình họa mỹ thuật (Vẽ HHMT)*, *Vẽ trang trí màu (Vẽ TTM)*, *Năng khiếu thể dục-thể thao (Năng khiếu TDTT)* thì phải dự thi kỳ thi của TDTU tổ chức thi để đủ điểm xét tuyển; dự thi ngày 29-30/5/2022 hay đợt 2 trong 7/2022)

Bảng mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi THPT năm 2022

Mã tổ hợp	Các môn của tổ hợp	Mã tổ hợp	Các môn của tổ hợp
A00	Toán, Vật lí, Hóa học	H00	Ngữ văn, Vẽ Trang trí màu, Vẽ hình họa mỹ thuật
A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	H01	Toán, Ngữ văn, Vẽ hình họa mỹ thuật
B00	Toán, Hóa học, Sinh học	H02	Toán, Vẽ Trang trí màu, Vẽ hình họa mỹ thuật
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	T00	Toán, Sinh học, Năng khiếu TDTT
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	T01	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu TDTT
C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	V00	Toán, Vật lí, Vẽ hình họa mỹ thuật
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	V01	Toán, Ngữ văn, Vẽ hình họa mỹ thuật

D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung	E01	Toán, Văn, Năng lực tiếng Anh
D07	Toán, Tiếng Anh, Hóa học	E04	Toán, Văn, Chứng chỉ tiếng Anh
D08	Toán, Tiếng Anh, Sinh học	E02	Toán, Sinh, Năng lực tiếng Anh
D11	Ngữ văn, Vật lí, Tiếng Anh	E05	Toán, Sinh, Chứng chỉ tiếng Anh
D55	Ngữ văn, Vật lí, Tiếng Trung	E03	Toán, Lý, Năng lực tiếng Anh
		E06	Toán, Lý, Chứng chỉ tiếng Anh

Quy định Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực

Khu vực/Đối tượng	Điểm cộng theo quy định của Bộ GD&ĐT (thang 30 điểm)	Điểm cộng xét (theo thang 40)
Khu vực 1	0,75	1,00
Khu vực 2NT	0,5	0,67
Khu vực 2	0,25	0,33
Khu vực 3	0	0
Đối tượng: 01, 02, 03, 04	2	2,67
Đối tượng: 05, 06, 07	1	1,33

Thí dụ về tính điểm xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022

Thí dụ 1: Ngành Kiến trúc: xét tuyển theo tổ hợp V00 (Toán, Vật lí, Vẽ hình họa mỹ thuật (HHMT)) có môn nhân hệ số 2 là môn Vẽ HHMT và điều kiện môn Vẽ HHMT $\geq 6,0$

Điểm xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT = Điểm Toán + Điểm Lý + Điểm Vẽ HHMT *2 + Điểm ưu tiên KV, ĐT

Thí dụ 2: Ngành Việt Nam học (chuyên ngành du lịch và lễ hành) xét tuyển tổ hợp C00 (Văn, Sử, Địa) có môn Văn nhân hệ số 2

Điểm xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT = Điểm Văn *2 + Điểm Sử + Điểm Địa + Điểm ưu tiên KV, ĐT

III. THÔNG TIN ƯU TIÊN XÉT TUYỂN THEO QUY ĐỊNH TDTU NĂM 2022

Thông tin chi tiết về Phương thức Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của TDTU được cập nhật trên <https://admission.tdtu.edu.vn>

1. Đối tượng 1: Thí sinh thuộc các trường THPT chuyên trên cả nước; một số trường trọng điểm tại TPHCM.

- Thí sinh các trường chuyên và một số trường trọng điểm tại TPHCM đã ký kết với TDTU hoàn tất chương trình lớp 12 bậc THPT năm 2022, tốt nghiệp THPT năm 2022 đăng ký ưu tiên xét tuyển theo 5HK từ ngày 01/4-25/5/2022

+ Nguyên tắc ưu tiên xét tuyển: TDTU xét tuyển theo “Điểm xét tuyển” từ cao xuống thấp.

+ Thí sinh thuộc đối tượng 1 đăng ký ưu tiên xét tuyển các ngành Thiết kế đồ họa, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế thời trang, Thiết kế nội thất, Kiến trúc, tổ hợp có môn năng khiếu của ngành Golf, Quản lý thể dục thể thao, Quy hoạch vùng và đô thị phải dự thi bổ sung môn năng khiếu tương ứng với tổ hợp xét tuyển đăng ký để đủ điều kiện môn xét tuyển. Xem chi tiết thông báo thi năng khiếu tại <https://admission.tdtu.edu.vn>

2. Đối tượng 2: Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS 5.0 trở lên (có giá trị từ ngày 01/10/2020 và còn giá trị đến ngày 01/10/2022) ưu tiên xét tuyển vào Chương trình đại học bằng tiếng Anh, Chương trình liên kết quốc tế hoàn tất chương trình lớp 12 bậc THPT năm 2022 và tốt nghiệp THPT năm 2022.

Thí sinh các trường THPT đã ký kết với TDTU xét theo điểm 5HK đăng ký từ 01/4-25/5/2022. Điều kiện: thí sinh có Điểm xét tuyển đối tượng 2 – đợt 1 (ĐXT ĐT2-1) $\geq 27,00$.

ĐXT ĐT2-1 (thang 40 điểm) được tính theo công thức:

$\text{ĐXT ĐT2-1} = 0,6 \cdot \text{ĐXT 5HK} + 0,4 \cdot 4 \cdot \text{Điểm phiên theo chứng chỉ tiếng Anh quốc tế} + \text{điểm ưu tiên khu vực, đối tượng, thành tích học sinh giỏi (nếu có)};$

$\text{ĐXT 5HK} = (\text{ĐTBHK1 L10} + \text{ĐTBHK2 L10} + \text{ĐTBHK1 L11} + \text{ĐTBHK2 L11} + \text{ĐTBHK1 L12}) \cdot 4/5 + \text{Điểm ưu tiên trường THPT (nếu có)}$

(ĐTBHK là điểm trung bình học kỳ của từng học kỳ)

Bảng phiên điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong xét tuyển đối tượng 2 và bảng xét chứng chỉ quốc tế tương đương IELTS tra cứu tại <https://admission.tdtu.edu.vn>

3. Đối tượng 3: Thí sinh tốt nghiệp THPT tại nước ngoài xét ưu tiên tuyển thẳng vào chương trình đại học bằng tiếng Anh, chương trình liên kết đào tạo quốc tế

4. Đối tượng 4: Thí sinh học chương trình quốc tế tại các trường quốc tế ở Việt Nam ưu tiên xét tuyển vào chương trình đại học bằng tiếng Anh, chương trình liên kết đào tạo quốc tế

5. Đối tượng 5: Thí sinh có chứng chỉ SAT, A-Level, IB, ACT xét ưu tiên tuyển thẳng vào chương trình đại học bằng tiếng Anh, chương trình liên kết đào tạo quốc tế

IV. THÔNG TIN XÉT TUYỂN THEO KẾT QUẢ BÀI THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2022

Thí sinh tốt nghiệp THPT có kết quả bài thi đánh giá năng lực đợt 1, 2 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh năm 2022 đăng ký xét tuyển tất cả các ngành của TDTU.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Tôn Đức Thắng cùng lúc với đăng ký dự thi Đánh giá năng lực Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; đăng ký xét tuyển vào TDTU cùng trên hệ thống đăng ký thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

- Thời gian đăng ký xét tuyển và thi đánh giá năng lực Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Đợt	Đăng ký dự thi ĐGNL ĐHQG TP. HCM và đăng ký xét tuyển vào TDTU	Thời gian thi ĐGNL dự kiến	Thời gian công bố kết quả
Đợt 1	28/01/2022 – 28/02/2022	27/03/2022	05/04/2022
Đợt 2	06/04/2022 – 25/04/2022	22/05/2022	29/05/2022

- Thí sinh đăng ký xét tuyển các ngành Thiết kế đồ họa, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế thời trang, Thiết kế nội thất, Kiến trúc phải dự thi môn năng khiếu vẽ hình họa mỹ thuật để xét điều kiện môn xét tuyển. TDTU không nhận điểm thi năng khiếu của các Trường khác chuyển sang. Xem chi tiết thông báo thi năng khiếu tại <https://admission.tdtu.edu.vn>.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành Dược phải có học lực lớp 12 xếp loại Khá trở lên.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển vào chương trình đại học bằng tiếng Anh phải có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS 5.0 trở lên (có giá trị từ 01/10/2020 và còn giá trị đến 01/10/2022); Thí sinh không có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS 5.0 trở lên còn thời hạn theo quy định của TDTU phải đăng ký dự thi Năng lực tiếng Anh do TDTU tổ chức (trừ ngành Ngôn ngữ Anh chỉ nhận chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định) tại website: <https://thinangkhieu.tdtu.edu.vn>. Xem chi tiết thông báo thi năng khiếu tại <https://admission.tdtu.edu.vn>.

- Trường hợp thi mà không đạt điều kiện tiếng Anh, thí sinh phải đăng ký học chương trình dự bị tiếng Anh. Trường hợp thí sinh chưa có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và không dự thi Năng lực tiếng Anh sẽ không đủ điều kiện xét tuyển vào chương trình đại học tiếng Anh.

Ngoài ra, Trường Đại học Tôn Đức Thắng nhận tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Chi tiết về thông báo tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT xem tại <https://admission.tdtu.edu.vn>. *Đinh*